TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 443/2024/HC-PT
Ngày: 09/8/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Thắng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 228/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7726/2024/QĐ-PT ngày

23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1963, địa chỉ: Số nhà X, ngõ X1, đường L2, phường B, thành phố H1, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Ông Nguyễn Hồng L2, Phó Chủ tịch, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh: Ông Nguyễn Văn A, Phó Chủ tịch, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

+ Ông Võ Tá N, Phó Giám đốc Sở Công Thương; có mặt.

+ Ông Lê Đức N1, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; có mặt.

+ Ông Nguyễn Quốc T2, Phó Giám đốc Sở Tư pháp; có mặt.

+ Ông Phạm Chí H2, Phó Giám đốc Sở Tài chính; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy K, Phó Chủ tịch, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thể hiện:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo UBND huyện L1 tiến hành kiểm tra, thống kê thiệt hại để đền bù thiệt hại lô hàng tẩm ướp lưu kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển cho các cơ sở chế biến trên địa bàn Hà Tĩnh, trong đó cơ sở của bà Trần Thị H, theo khoản 4 Điều 1, quyết định số 1880 ngày 29/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, bà H là đối tượng thiệt hại do sự cố môi trường biển (MTB), được bồi thường thiệt hại.

Do cơ sở của bà Phạm Thị P ở trong xã xuất hàng ra nước ngoài bị trả về vì kết quả kiểm nghiệm lô hàng bị nhiễm phê non cho nên cơ sở chế biến hải sản của bà H cũng không tiêu thụ được, vì khách hàng cho rằng hàng của cơ sở bà H cũng bị nhiễm phê non. Căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, toàn bộ thiệt hại thực tế của bà do sự cố MTB được bồi thường.

Thực hiện Quyết định 1880/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng chính phủ, UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 đã tổ chức chi trả tiền bồi thường về phần thu nhập bị mất do ảnh hưởng sự cố MTB từ năm 2017, phần thiệt hại về tài sản là lô hàng hải sản tẩm ướp lưu kho, theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/9/2017 UBND tỉnh Hà Tĩnh đã báo cáo thiệt hại về lô hàng hải sản tẩm ướp tồn kho trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tổng thiệt hại là 5.000 tấn (năm ngàn tấn với tổng thiệt hại là 250 tỷ đồng với đề xuất hỗ trợ 30% giá trị lô hàng bằng 75 tỷ đồng), đồng thời với báo cáo, chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh cam đoan với Thủ tướng Chính phủ đó là số thiệt hại thực tế của các cơ sở chế biến hải sản về hàng hải sản tẩm ướp tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố MTB, cũng trong các báo cáo, chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh cam kết với Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ trả cho các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong đó có cơ sở bà H.

Theo trình tự thực hiện đề án xác định thiệt hại để đền bù thiệt hại theo quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí và được Bộ Tài chính cấp kinh phí (được cấp

75 tỷ đồng vào ngày 29/11/2017 – tại Công văn 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ), UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải tổ chức chi trả cho người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 sau khi nhận được tiền của Chính phủ cấp về, không chi trả cho bà H.

Ngày 05/5/2022, Chủ tịch UBND huyện L1 ban hành Quyết định 2546/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H, nội dung quyết định trái pháp luật xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà, vì vậy bà H khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 21/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, nội dung quyết định trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của tôi, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020, chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại, vì đây là trường hợp khiếu nại nhiều người cùng một nội dung, có tính chất phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau, kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh không tham gia đối thoại mà uỷ quyền cho những người không đủ thẩm quyền đứng ra giải quyết, vi phạm Điều 39 Luật khiếu nại năm 2011. Mặt khác, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại áp dụng sai pháp luật, trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành, bởi theo kết quả xác minh nêu trong quyết định, căn cứ tiêu chí được bồi thường mà Thủ tướng chính phủ đã đề ra tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm a Khoản 1 văn bản 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng chính phủ, cơ sở bà H đủ điều kiện được bồi thường, vì:

- Hàng có thật trong kho (đến nay đã bị hư hỏng)

- Có bằng chứng thu mua tại địa phương trong giai đoạn xảy ra sự cố Môi trường biển.

- Có xác nhận của đại diện cộng đồng dân cư và UBND xã.

Việc chưa cân đong đo đếm hàng thực tế trong kho là do UBND huyện L1 và UBND tỉnh Hà Tĩnh không thực hiện nhiệm vụ mà Thủ tướng đã giao trong các văn bản. Những văn bản mà UBND tỉnh Hà Tĩnh áp dụng đã bị thay thế. Bộ Công thương đã kết luận tại báo cáo 8044 ngày 31/8/2017 là: Toàn bộ lô hàng hải sản tồn kho nếu áp dụng các văn bản cũ (trước ngày 31/8/2017) thì không đủ điều kiện bồi thường, chính vì vậy Thủ tướng chính phủ đã sửa đổi, bổ sung và nêu

tiêu chí được bồi thường tại văn bản 1826 ngày 29/11/2017, theo tiêu chí này chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh đã không thực hiện để chi trả tiền cho bà H.

Vì vậy, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hủy Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1.

3. Kiến nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi Kế hoạch 218 ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh vì bạn hành văn bản trái quy định của Luật ban hành văn bản vi phạm pháp luật, cần phải sửa đổi cho phù hợp với các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải tổ chức chi trả tiền bồi thường thiệt hại giá trị thực tế của lô hàng hải sản tẩm ướp lưu kho mà bà Trần Thị H đã kê khai, trong đó: Mắm chượp 14.500kg x 30.000₫ =435.000.000đ; Ruốc mặn 70.000kg x 50.000₫ = 3.500.000.000đ. Tổng cộng: 3.935.000.000đồng.

5. Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh phải chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đôn đốc UBND huyện L1 thực hiện các bước thống kê, xác định thiệt hại lô hàng hải sản tẩm ướp tồn kho của bà H.

6. Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh phải thành lập Hội đồng định giá, thẩm định, phê duyệt giá trị thiệt hại cho cơ sở của bà H theo quy định.

7. Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện kiến nghị của 7 Bộ, ban, ngành về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho đã bị hư hỏng do ảnh hưởng sự cố môi trường biển đã được Thủ tướng đồng ý tại cuộc họp lần thứ 7 Ban chỉ đạo khắc phục sự cố môi trường biển miền Trung đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại khoản 3, mục II, Thông báo số 219 ngày 12/5/2017 mà quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh đã nêu ra.

8. Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh phải quyết định cấp phí bồi thường thiệt hại cho huyện L1 phần thiệt hại của cơ sở bà H.

9. Buộc Chủ tịch UBND huyện L1 phải phê duyệt số tiền bồi thường thiệt hại cho bà H theo kết quả kiểm tra của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, trình bày:

Trên cơ sở Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về hóa đơn chứng từ để xác định giá thu mua hàng hải sản lưu kho trước ngày 30/8/2016 làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình tại cuộc họp lần thứ IX Ban Chỉ đạo về các giải pháp ổn định đời sống và sản xuất, kinh doanh cho Nhân dân 04 tỉnh Miền Trung; Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý hàng hải sản tồn đọng và các đối tượng tồn đọng khác tại địa bàn 04 tỉnh bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 12/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện L1 rà soát, thực hiện quy trình hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

Về điều kiện, tiêu chí để xác định hỗ trợ: Chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp (chế biến cá ướp, mắm hải sản các loại (trừ nước mắm)) để kinh doanh có địa điểm chế biến tại các xã, phường, thị trấn ven biển, cửa sông đã được hỗ trợ thiệt hại về lao động theo quy định tại Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 và Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Danh mục nhóm hải sản tẩm ướp gồm: Cá ướp, mắm các loại (trừ nước mắm); Thời gian hỗ trợ: Hải sản tẩm ướp tồn đọng được thu mua, chế biến trước ngày 30/8/2016; Tiêu

chí xác định: Các đối tượng đáp ứng các tiêu chí hàng hải sản xác thực hiện đang tồn trong kho, chưa tiêu thụ được; Có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bản địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển; Có sự giám sát, xác thực của đại diện cộng đồng dân cư khu vực.

Về hồ sơ của bà Trần Thị H: Cơ sở của bà H đã thực hiện kê khai hải sản tẩm ướp tồn kho bị thiệt hại do sự cố môi trường biển với tổng khối lượng kê khai 84,5 tấn (ruốc mặn 70 tấn, mắm chợp 14,5 tấn), giá trị 3,935 tỷ đồng. Kê khai thu mua nguyên liệu đầu vào ruốc từ 7 đối tượng trên địa bàn huyện T3 với số lượng 145,641 tấn (ruốc 118,509 tấn, cá 27,132tấn), số tiền thu mua 4,191 tỷ đồng. Căn cứ các quy định nêu trên, kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ của bà Trần Thị H cho thấy, hồ sơ kê khai đề nghị hỗ trợ đối với hải sản tẩm ướp của bà H không đáp ứng các điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại điểm b Khoản 1 mục I, Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ, cụ thể: Bằng chứng thu mua cơ sở cung cấp là số ghi chép nhập hàng (bao gồm các bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào không có hóa đơn theo biểu mẫu 01/TNDN của Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính). Tuy vậy, hàng hóa mua vào lập theo bảng kê này không có căn cứ để lập theo đúng quy định tại điểm a Khoản 2 Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính; các đối tượng ký vào bảng kê này vào thời gian sau sự cố môi trường biển; đơn giá, số lượng, số tiền thu mua được ghi trong số mua hàng do bà H đề năm 2006 không đúng với thực tế; thời gian, địa điểm kê khai thu mua cá, ruốc ghi trong số không đúng với thời gian tàu cập cảng (theo Văn bản số 155/QLCC- CCCS ngày 19/8/2021 của Ban Quản lý các Cảng cá về việc rà soát tàu cập cảng cá Cửa Sót từ tháng 01 đến tháng 8/2016). Như vậy, hồ sơ do bà Trần Thị H cung cấp không đảm bảo đúng theo quy định, do đó, không đủ cơ sở để thực hiện hỗ trợ.

Như vậy, với các Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện L1, Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh đảm bảo đúng quy định Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124 của Chính phủ; Quyết định 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính Phủ ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; hướng dẫn số 1218/2017/BTC-

NSNN ngày 24/01/2017 hướng dẫn về hóa đơn, chứng từ để xác định giá thu mua hàng hải sản lưu kho trước ngày 30/8/2016 là cơ sở bồi thường, hỗ trợ theo quyết định 1880; Quyết định số 1826/2017/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/11/2017 về xử lý hàng hải sản tồn đọng và các đối tượng tồn đọng khác tại địa bàn 4 tỉnh, đồng thời qua xác minh, thẩm định, hồ sơ, chứng cứ, hóa đơn, chứng từ mà người khởi kiện cung cấp không có cơ sở để được hỗ trợ bồi thường theo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh, trình bày:

Thực hiện Văn bản số 323/UBND-NL ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp theo Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh (sau đây viết tắt 218), UBND huyện L1 đã triển khai các nội dung theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 218.

Để kiểm tra tính xác thực của bằng chứng chứng minh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4515/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 thành lập Đoàn liên ngành kiểm tra, xác minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường. Kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ, tài liệu của 39 chủ cơ sở (trong đó có cơ sở bà Trần Thị H) chế biến hải sản tẩm ướp kê khai thu mua hải sản đầu vào từ 250 đối tượng trên địa bàn 6 huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (L1, N2, T3, C, huyện K1 và thị xã K1), cho thấy: Tất cả 39 cơ sở lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp không đủ cơ sở để hỗ trợ theo quy định, vì: 39 cơ sở được kiểm tra, xác minh về nguồn gốc hải sản tẩm ướp tại 205 đối tượng quá trình mua bản không có hóa đơn, không có các tài liệu gốc mua bán tại thời điểm xảy ra sự cố môi trường để chứng minh xác thực số lượng, giá cả. mua hàng đề năm 2016 của các cơ sở không phải lập tại thời điểm mua bán, mà lập sau này để làm hồ sơ bồi thường thiệt hại đối với hải sản tẩm ướp theo Kế hoạch 218 là không đúng quy định; Có dấu hiệu làm giả hồ sơ, làm giả bằng chứng với mục đích để trục lợi; Không thể xác định chính xác được đối tượng, số lượng, đơn giá thu mua vì nếu có hoạt động mua bản chủ yếu diễn ra dưới hình thức mua đứt, bán đoạn; không có sổ sách, giấy tờ ghi chép để đối chiếu

giữa bên bán và bên mua tại thời điểm. Có những trường hợp kê khai mua hải sản nhưng là các đối tượng như mực, sò, các loại cá to như cá thu ... đây không phải là nguyên liệu làm nước mắm (chợp) hay muối ruốc; Đối với chữ ký trong mua hàng để năm 2016 mà các cơ sở lập: Theo kết quả xác minh từ các đối tượng được kê khai bán hàng thì hầu hết các đối tượng mới ký vào này vào thời gian từ năm 2018-2020, một số trường hợp xác nhận ký cuối năm 2016, một số không nhớ thời gian ký, một số xác nhận ký trong năm 2016 nhưng ký một lần vào các tờ giấy đã ghi trong là mâu thuẫn với thực tế diễn ra mua bán vì nếu đúng thực tế hai bên phải vừa cân, ghi nhận số liệu mới ký vào chứ không phải ký trên số đã có các thông tin sẵn có. Thậm chí có nhiều trường hợp khi ký chưa ghi thông tin trong sổ (giấy trắng); có một số trường hợp xác nhận ký sau mỗi lần bán hàng nhưng số lượng và giá cả không đúng với thực tế bán hàng giữa 2 bên và không giải trình được lý do vì sao có sự sai lệch này, rất mâu thuẫn. Hầu hết các cơ sở mang đến nhà nhờ các đối tượng ký xác nhận vào; có trường hợp không trực tiếp nhờ mà thông qua người trung gian là đầu mối chuyên bán hàng trực tiếp cho các cơ sở. Khi ký vào mua hàng đề năm 2016 cho các cơ sở chế biến, thì hầu hết các đối tượng không đọc, không xem kỹ các nội dung trong cuốn sổ. Đặc biệt có nhiều trường hợp thừa nhận không ký vào này (hồ sơ giả chữ ký); Có tình trạng mượn tên và số chứng minh nhân dân của một số đối tượng (bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp) và ghi vào mua hàng để năm 2016, đồng thời giả mạo chữ ký của các đối tượng. Thực tế, các đối tượng này không bán hải sản cho các cơ sở chế biến, có đối tượng làm việc không liên quan gì đến thủy sản, thậm chí không quen biết gì với các cơ sở và không ký vào cuốn sổ mua hàng cho các cơ sở; Bên cạnh đó, vẫn có một số đối tượng được kiểm tra, xác minh có dấu hiệu cấu kết, thông đồng với các cơ sở chế biến để xác nhận không đúng thực tế về thời điểm ký vào mua hàng đề năm 2016 do các cơ sở lập, nguyên nhân: là bạn hàng, người thân quen; đồng thời một số đối tượng có kê khai là chủ cơ sở chế biến hải sản nên vì tư lợi, cố tình khai không đúng thực tế bán hàng.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, UBND huyện đã ban hành văn bản số 881/TB-UBND ngày 30/11/2021 thông báo kết quả thẩm định bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường của bà Trần Thị H, thôn L, xã T, huyện L1. Bà H không nhất trí với thông báo trả lời nêu trên

và có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện L1. Chủ tịch UBND huyện L1 đã thụ lý, thành lập Tổ kiểm tra, xác minh tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 02/3/2022. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh của Tổ kiểm tra tại Báo cáo số 04/BC-TXM ngày 29/4/2022. Chủ tịch UBND huyện L1 đã ban hành Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị H.

UBND huyện L1 giải quyết đề nghị hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp với bà Trần Thị H là đúng quy định tại Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh và các văn bản của Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện L1 đối với bà Trần Thị H là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện L1, UBND huyện L1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, trình bày:

Ngày 20/6/2020 UBND Tỉnh Hà Tĩnh ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND về việc triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp. UBND huyện L1 có công văn mời Ban chỉ đạo, Hội đồng đánh giá thiệt hại, Tổ xác nhận đối tượng các đơn vị thôn và các thành phần liên quan tham gia họp triển khai, hướng dẫn kế hoạch, các thành phần của xã đã tham gia đầy đủ. Sau đó, xã đã tiến hành kiện toàn Ban chỉ đạo (BCĐ), Hội đồng đánh giá thiệt hại cấp xã, Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại cấp thôn. Phân công nhiệm vụ các thành phần trong BCĐ, Hội đồng đánh giá về phụ trách các thôn. Tiến hành họp BCĐ, Hội đồng đánh giá thiệt hại cấp xã, Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại cấp thôn và các Ban, ngành đoàn thể cấp xã, thôn. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống phát thanh của xã, thôn về kế hoạch số 218/KH-UBND để các đối tượng được biết.

UBND xã tổng hợp danh sách theo Biểu 01, Kế hoạch số 218/KH-UBND gửi Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại ở thôn. Chỉ đạo Tổ cấp thôn xác nhận danh sách đối tượng và thực hiện kê khai theo Biểu 02 của Kế hoạch số 218/KH-UBND, Tổ tiến hành xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại ở thôn (Chi xác nhận đối tượng; Họ tên, chữ ký của người kê khai, không xác nhận sản lượng, giá trị hải sản và bằng chứng chứng minh). Trên cơ sở danh sách đối tượng các Tổ xác nhận gửi về, Hội đồng đánh giá thiệt hại cấp xã họp, thống nhất tổng hợp

gửi danh sách (Chỉ xác nhận có bằng chứng cung cấp và không có bằng chứng, không xác nhận tính hợp pháp, chính xác của bằng chứng đó), báo cáo UBND huyện theo chức năng, thẩm quyền. UBND xã T đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều Điều 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ Điều 22, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 18, 21 và mục 2, mục 3 Chương 3 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính; điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tẩm ướp; Điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT-VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2546/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 623/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 phải tổ chức chi trả tiền bồi thường thiệt hại giá trị thực tế của lô hàng hải sản tẩm ướp lưu kho mà bà Trần Thị H đã kê khai, trong đó: Mắm chượp 14.500kg x 30.000đ = 435.000.000đ; Ruốc mặn 70.000kg x 50.000đ= 3.500.000.000đ. Tổng cộng: 3.935.000.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/3/2024, người khởi kiện là bà Trần Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại từ đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định các sở, ngành của tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm trong việc giải quyết bồi thường theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của bộ, ngành trung ương là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án; không xét kế hoạch số 128 và các hành vi hành chính của UBND tỉnh Hà Tĩnh là vi phạm thủ tục tố tụng. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập và xem xét xét đầy đủ chứng cứ, nên ra bản án không khách quan, chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết lại.

Đại diện người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung quyết định hành chính là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị H đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là hợp lệ và trong thời hạn luật định, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo vắng mặt, nhưng

đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt; người bị kiện, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền có mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 11/4/2023, bà Trần Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 623/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về môi trường biển, do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành, thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển là vấn đề yêu cầu bồi thường trong vụ án hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quyết định quyết khiếu nại lần đầu số 2546/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1 là quyết định có liên quan được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Đối với Kế hoạch số 218 ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là văn bản chỉ đạo điều hành mang tính chất nội bộ của UBND tỉnh; các yêu cầu buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện kiến nghị của 7 Bộ, Ban, Ngành về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho bị hư hỏng do sự cố môi trường biển; buộc chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phải quyết định cấp kinh phí bồi thường thiệt hại cho huyện L1 phần thiệt hại của cơ sở bà H; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt số tiền bồi thường thiệt hại cho bà H theo kết quả kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, là các công việc nội bộ trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp. Đối chiếu các quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 3; Điều 30 Luật Tố tụng hành chính, các yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính nên không xem xét là đúng quy định.

[5] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H:

[5.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

Sau khi nhận được khiếu nại của bà Trần Thị H, Chủ tịch UBND huyện L1

và Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh đã giao cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tiến hành xác minh báo cáo kết quả; tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2546/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 623/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[5.2] Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

Bà Trần Thị H là chủ cơ sở sản xuất mắm, ruốc đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển, nên bà kê khai khối lượng thành phẩm đề nghị hỗ trợ, bồi thường là 84,5 tấn (ruốc mặn 70 tấn, mắm chợp 14,5 tấn) tương đương số tiền 3,935 tỷ đồng, kèm theo bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp thu mua nguyên liệu đầu vào là 145,641 tấn (ruốc 118,509 tấn; cá 27,132 tấn) mua của 7 đối tượng tại huyện T3, tương đương số tiền 4,191 tỷ đồng, nhưng UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện L1 không thực hiện bồi thường là trái quy định. Tuy nhiên, quá trình triển khai rà soát để thực hiện hỗ trợ thiệt hại sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp của bà H, UBND huyện L1 đã thực hiện theo các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành có liên quan và Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh và UBND huyện L1 đã thực hiện rà soát, kiểm tra, phân loại đối tượng, xác minh hồ sơ kê khai đối với hồ sơ kê khai của bà Trần Thị H theo quy định tại điểm d mục 4.1 và mục 4.2 Kế hoạch số 218, rà soát các đối tượng đảm bảo theo quy định tại điểm a mục 1, phần II Kế hoạch số 218; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tiến hành xác minh tính xác thực, chính xác của các bằng chứng chứng minh nguồn gốc được thu mua, chế biến trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển do bà H cung cấp. Về kết quả kiểm tra, rà soát, thẩm định hồ sơ đối với 5/7 trường hợp có tên trong sổ mua hàng đề năm 2016 của cơ sở bà H thể hiện: Ông Nguyễn Văn Năng khẳng định không bán cá, ruốc cho bà H trong thời gian xảy ra sự cố môi trường, về chữ ký trong cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 của bà H là ký năm 2020; có 04 trường hợp xác nhận có bán cá, ruốc cho bà H trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển; về chữ ký trong cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 của bà H: Ông Nguyễn Văn V ký cuối năm 2016, ông Lê

Văn X2, ông Nguyễn Văn D ký năm 2016, ông Nguyễn Xuân S không nhớ thời gian ký. Ông Nguyễn Văn D xác nhận giá ruốc bán cho bà H từ 15-20 ngàn đồng/kg, số tiền bán trong năm 2016 khoảng 100 triệu đồng (bà H kê khai giá ruốc từ 27-30 ngàn đồng/kg, số tiền mua trên 683 triệu đồng); ông Nguyễn Xuân S xác nhận số tiền bán cho bà H năm 2016 khoảng 50-70 triệu đồng (bà H kê khai số tiền mua trên 747 triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với những người bán hàng cho bà H theo cung cấp của bà thì những người này đều khẳng định năm 2016 có bán cá, ruốc cho bà H. Tuy nhiên, việc mua bán là không có hóa đơn, chứng từ, không có tài liệu khác thể hiện việc mua bán ngoài sổ nhập hàng năm 2016 của bà Trần Thị H tự lập. Ngoài ra, ông Lưu Xuân L3, trưởng thôn L trình bày: ông làm cán bộ thôn từ tháng 5/2020 đến nay (thời điểm xảy ra sự cố môi trường biển, ông Nguyễn Hữu T4 là trưởng thôn, nhưng nay đã chết); trong quá trình làm trưởng thôn, ông có ký xác nhận hộ kinh doanh Trần Thị H thuộc địa bàn có kinh doanh mắm ruốc, còn các nội dung như về số lượng và các nội dung khác ông không ký xác nhận.

Mặt khác, về đơn giá, số tiền thu mua được ghi trong cuốn sổ nhập hàng đề năm 2016 mà bà Trần Thị H cung cấp không đúng với thực tế, không thống nhất với lời khai của người bán hàng; ngoài cuốn sổ nhập hàng thì bà H không cung cấp được chứng từ mua bán giữa bà với người bán hàng có tên trong cuốn số này. Hơn nữa, về thời gian, địa điểm kê khai thu mua cá, ruốc ghi trong số không đúng thời gian tàu cập cảng theo Văn bản số 155/QLCC-CCCS ngày 19/8/2021 của Ban Quản lý các Cảng cả rà soát tàu cập cảng cá C1 từ tháng 01 đến tháng 8/2016.

Về bằng chứng thu mua do bà Trần Thị H cung cấp là cuốn sổ nhập hàng đề năm 2016, trong đó bao gồm cả bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào là không có hóa đơn theo biểu mẫu 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, nên không đủ cơ sở để xét theo quy định tại điểm a khoản 2 Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính.

Như vậy, xét thấy hồ sơ kê khai đề nghị hỗ trợ đối với hàng hải sản tẩm ướp của bà Trần Thị H là không có hóa đơn, chứng từ, bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bàn trong thời gian xảy ra sự cố môi

trường biển (trước ngày 30/8/2016). Bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản, khối lượng hàng hải sản tẩm ướp của bà Trần Thị H là sổ nhập hàng năm 2016, nhưng sổ nhập hàng này được đối tượng ký sau khi diễn ra việc mua bán; đơn giá, số tiền thu mua được ghi trong sổ nhập hàng do bà H đề năm 2016 là không đúng với thực tế; thời gian, địa điểm kê khai có thu mua cá, ruốc được ghi trong sổ chưa đúng với thực tế thời gian tàu cá có cập cảng tại Cảng cá C1 (xã T huyện L1); hồ sơ không đủ điều kiện để được xác nhận của đại diện cộng đồng dân cư. Do đó, hồ sơ kê khai của bà Trần Thị H không đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tẩm ướp và điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT- VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

[5.3] Những nhận định trên đây của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2546/QĐ - UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện L1, Quyết định giải quyết khiếu nại số 623/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5.4] Như đã nhận định thì việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện L1; Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh là đúng quy định và yêu cầu khởi kiện về nội dung này của bà Trần Thị H không được chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân huyện L1 phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tẩm ướp tồn kho của bà H do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển Miền Trung là có căn cứ.

[5.5] Tại cấp phúc thẩm không phát sinh thêm tình tiết mới, nên không có cơ sở để xem xét cho kháng cáo của bà Trần Thị H. Do đó, cần giữ nguyên quyết

định của bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Anh Thắng **Nguyễn Tiến Dũng** **Hồ Sỹ Hưng**

***Nơi nhận*:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP-TACCHN.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Sỹ Hưng